

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐỨC PHỔ
TỈNH QUẢNG NGÃI**

¹
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 11- 03- 2021

V/v “ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỨC PHỔ, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Kha

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Cư
2. Bà Lê Thị Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Văn Dương- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Phổ tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Hùng- Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý 190/2020/TLST- HNGĐ về việc “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2021/QĐXX-ST ngày 28 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2021/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Bà Lê Thị P – sinh năm 1955

Địa chỉ: 60 Trần Thái T, phường P, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi;

(Có đơn xin giải quyết vắng mặt)

2/ Bị đơn: Ông Nguyễn M – sinh năm 1964

Địa chỉ: thôn M, xã T, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi;

(Vắng mặt lần thứ hai không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án bà Lê Thị P trình bày :

Bà Lê Thị P và ông Nguyễn M tự nguyện tìm hiểu, tổ chức đám cưới và sống chung với nhau từ năm 1983 cho đến nay nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi cưới

thì hai vợ chồng sống vui vẻ và hạnh phúc được một thời gian. Tuy nhiên sau khi sinh được hai người con đầu thì vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách khác nhau, quan điểm sống khác nhau. Ông Nguyễn M thường xuyên nhậu nhẹt về nhà gây gỗ, đánh đập vợ con. Tuy nhiên vì gia đình và con nên bà P chịu đựng nên bỏ qua. Đến năm 2020 vì không chịu đựng được nữa nên bà và ông M đã sống ly thân. Nay bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn M.

Về con chung: Bà Lê Thị P và ông Nguyễn M có 04 người con chung tên Nguyễn Xuân L1 – sinh ngày 24/6/1984, Nguyễn Thị Thùy T1 – sinh ngày 30/8/1988, Nguyễn Thùy D1 – sinh ngày 06/10/1992 và Nguyễn Xuân Q1 – sinh ngày 16/3/1995. Hiện con chung đã thành niên và có thu nhập tự nuôi sống bản thân nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn M đã được Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ giao các thông báo và giấy triệu tập hợp lệ nhưng ông M không có ý kiến gì.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa tuân theo đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng; Bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn bà Lê Thị P có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Nguyễn M ở thôn M, xã T, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi. Nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ.

Bà Lê Thị P có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, ông Nguyễn M đã được Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Về hôn nhân: Bà Lê Thị P và ông Nguyễn M tổ chức đám cưới và sống chung từ năm 1983 đến nay. Mặc dù không có đăng ký kết hôn nhưng theo quy định của Luật hôn nhân gia đình năm 2000 thì hôn nhân giữa bà P và ông M là hôn nhân

thực tế và được công nhận là vợ chồng. Trong thời gian chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng đã không tôn trọng lẫn nhau, không còn quan tâm nhau và đã sống ly thân từ giữa năm 2020 đến nay. Mặc khác qua xác minh tại Hội liên hiệp phụ nữ xã T cho biết thì vợ chồng bà P và ông M hiện nay không sống chung. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà P và ông M đã ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử cho bà Lê Thị P được ly hôn với ông Nguyễn M.

[2.2] Về con chung: Bà Lê Thị P và ông Nguyễn M có 04 người con chung tên Nguyễn Xuân L1 – sinh ngày 24/6/1984, Nguyễn Thị Thùy T1 – sinh ngày 30/8/1988, Nguyễn Thùy D1 – sinh ngày 06/10/1992 và Nguyễn Xuân Q1 – sinh ngày 16/3/1995. Hiện các con chung đã thành niên và có thu nhập tự nuôi sống bản thân nên không yêu cầu giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

[2.4] Về nợ chung: Không có.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án Tòa án buộc bà Lê Thị P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Được khấu trừ 300.000 đồng bà Lê Thị P đã nộp tại biên lai số AA/2018/0004721 ngày 23 tháng 11 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 227, 228, 235, 238, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị P.

1. Về hôn nhân: Cho bà Lê Thị P được ly hôn ông Nguyễn M.
2. Về con chung: Các con chung đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Buộc bà Lê Thị P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Được khấu trừ 300.000 đồng bà P đã nộp tại biên lai số AA/2018/0004721 ngày 23 tháng 11 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ.

6. Về quyền kháng cáo: Bà Lê Thị P và ông Nguyễn M có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND thị xã Đức Phổ;
- TAND tỉnh;
- THDS thị xã Đức Phổ;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

ĐÃ KÝ

Nguyễn Minh Kha